

Bản án số: 01/2024/HSPT-CTN
Ngày: 24-01-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;
Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hồng Phúc- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2023/TLPT-HS-CTN ngày 13 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo: Mai Thanh S, Mai Thanh N, Mai Thanh N1, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Minh Đ1, Nguyễn Minh T, Nguyễn Hồng C, Nguyễn Đức M, Đỗ Quốc B, Nguyễn Ngọc L, Trần Thị C, Nguyễn Văn Á, Lê Văn P, Đặng Thị N. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2023/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Mai Thanh S (Chuột), sinh năm 1990; nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp AT, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn Th và bà Nguyễn Thị H; vợ: Nguyễn Ngọc Q; con: 02 người, nhỏ nhất sinh năm 2016, lớn nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không có. **Bị cáo tại ngoại, có mặt.**

2. Mai Thanh N (Lắc), sinh năm 1993; nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp AT, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn Th và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01-10-2023 cho đến nay, có mặt.

3. Mai Thanh N1 (Mèo), sinh năm 1987; nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp AT, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn Th và bà Nguyễn Thị H; vợ: Nguyễn Thị Hồng T, con: có 01 người, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01-10-2023 cho đến nay, có mặt.

4. Nguyễn Minh Đ1 (Ba Tèo), sinh năm 1980; nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn Th và bà Nguyễn Thị H; vợ: Dương Thị Mai, con: có 01 người, sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Nguyễn Minh T, sinh ngày 26-3-2005 (tính đến ngày phạm tội đã 17 tuổi 10 tháng 06 ngày; tính đến ngày khởi tố bị can đã đủ 18 tuổi); nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp AT, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Mai Thị Hồng H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2000; nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp AT, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh D và bà Mai Thị Hồng L; vợ: Nguyễn Thị T, con: có 01 người, sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Nguyễn Đức M, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp BR, xã HH, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Trúc (đã chết) và bà Nguyễn Thị Rõ; vợ: Lưu Thị Hồng Loan; con: Có 01 người, sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01-10-2023 cho đến nay, có mặt.

8. Đỗ Quốc B, sinh năm 2002, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp BR, xã HH, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn B và bà Trịnh Thị G; vợ: Đặng Thị Kim L, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 01-02-2023, chuyển tạm giam ngày 09-02-2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành. Đến ngày 17-4-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

9. Nguyễn Ngọc L (Em Lớn), sinh năm 1985, nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp TT, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Phan Thị S; vợ: Nguyễn Thị H (đã ly hôn), con: có 01 người, sinh năm 2019; tiền sự: Không có.

- Tiền án: Bản án số 62/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh căn cứ khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01-10-2023 cho đến nay, có mặt.

10. Nguyễn Hồng C, sinh năm 1991, nơi sinh: tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp GN, xã PL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Ấp SN, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L; vợ: Phan Khánh L, con: có 01 người, sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không có.

- Nhân thân: Năm 2014, bị Toà án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong bản án được xoá án tích. Năm 2015 đến sinh sống tại ấp Sa Nghe, xã An Cơ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Năm 2015, bị Công an phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh tây Ninh xử phạt 200.000 đồng về hành vi “Gây tiếng động lớn, làm ồn ào huyên náo tại khu dân cư”, đã nộp phạt xong (đã đủ thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính).

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

11. Trần Thị C, sinh năm 1990, nơi sinh: Tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp BR, xã HH, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Phạm Thị L; chồng: Huỳnh Văn L (đã ly hôn), con: có 02 người, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24-5-2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến nay, có mặt.

12. Nguyễn Văn A, sinh năm 1993, nơi sinh: Tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp AT, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 01-02-2023, chuyển tạm giam ngày 09-02-2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành. Đến ngày 17-4-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

13. Lê Văn P, sinh năm 1977, nơi sinh: Tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp ĐT, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn:

6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị D (đã chết); vợ: Nguyễn Thị N, con: 03 người, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 01-02-2023, chuyển tạm giam ngày 09-02-2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành. Đến ngày 17-4-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

14. Đặng Thị N, sinh năm 1974, nơi sinh: Tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp BL, xã HĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 0/12 (không biết chữ); dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn B và bà Nguyễn Thị H (đã chết); chồng: Nguyễn Văn Kh, con: có 01 người, sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Năm 2019, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xử phạt xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 01-02-2023, chuyển tạm giam ngày 09-02-2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành. Đến ngày 11-3-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Thanh S và Mai Thanh N muốn tổ chức đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu được thua bằng tiền. S và N rủ rê lôi kéo, chuẩn bị manh để lót đánh bạc, nước uống, địa điểm lắc tài xỉu được thua bằng tiền tại khu vực vườn cao su của ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1976, ngụ Ấp AT, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Để hoạt động tổ chức đánh bạc thuận lợi, S và N thuê Mai Thanh N1 (là anh ruột của Sa và Nhớ) làm nhiệm vụ cảnh giới xung quanh sòng bạc và phụ đưa rước người tham gia đánh bạc, tiền công từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/01 ngày; thuê Nguyễn Bá Hoài, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Minh Đ1 (là anh ruột của Ngân, Sa, Nhớ) và Nguyễn Minh T làm nhiệm vụ cảnh giới và đưa rước những người tham gia đánh bạc, tiền công mỗi người từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng/ngày. Mai Thanh S và Mai Thanh N quy định khi những người làm cái thắng bão (tức là người làm cái thắng tiền tất cả của 01 bên tài hoặc 01 bên xỉu) xâu cho Sa và Nhớ 50% số tiền thắng cược. Bộ dụng cụ lắc tài xỉu thì ai làm cái người đó mang theo để sử dụng. Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 01/02/2023, những người tham gia đánh bạc tập trung tại vườn cao su để tham gia đánh bạc lần lượt có Nguyễn Thành Thước, Nguyễn Hồng C, Nguyễn Đức M, Đỗ Quốc B, Nguyễn Văn An và Nguyễn Ngọc L là những người đứng ra làm cái lắc tài xỉu được thua bằng tiền, những người tham gia đánh bạc gồm: Trần Thị C, Nguyễn Văn Á, Mai Thanh N1, Lê Văn P, Nguyễn Thị H, Nguyễn

Thị Bé N, Đặng Thị N, Trần Thị Thu Th và Nguyễn Thị Ph. Mai Thanh N thu tiền xâu của Nguyễn Thành Th và Nguyễn Hồng C được 3.600.000 đồng, thu tiền xâu của Nguyễn Đức M được 13.000.000 đồng. Đến 20 giờ 00 phút, ngày 01/02/2023, Công an huyện Châu Thành phối hợp với Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Tây Ninh bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 64.300.000 đồng cùng nhiều vật chứng có liên quan, thu giữ trên người số tiền dùng vào việc đánh bạc 65.200.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang, Mai Thanh S, Mai Thanh N1, Mai Thanh N, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Minh Đ1, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thành Thước, Nguyễn Hồng C, Nguyễn Đức M và Nguyễn Ngọc L chạy thoát, sau đó ra đầu thú.

Các bị can khai nhận số tiền mang theo để đánh bạc gồm:

- Nguyễn Thành Thước mang theo 2.600.000 đồng, làm cái thua hết tiền.
- Nguyễn Hồng C mang theo 102.000.000 đồng, làm cái thua khoảng 50.000.000 đồng, sau đó nghỉ không làm cái và tiếp tục đặt tiền, thua khoảng 42.000.000 đồng, còn lại số tiền khoảng 10.000.000 đồng bỏ tại nơi đánh bạc.
- Nguyễn Đức M, Đỗ Quốc B, Nguyễn Văn An và Nguyễn Ngọc L hùn với nhau để làm cái, M ứng ra trước 280.000.000 đồng (trong đó M 112.000.000 đồng, An 84.000.000 đồng, Bảo 84.000.000 đồng, Lợi không hùn tiền nhưng có nhiệm vụ quan sát sòng bạc cho M). Khi bị bắt quả tang, M mang tiền chạy thoát, đến nhà kiểm tra bị thua hết 40.000.000 đồng, còn 240.000.000 đồng và 10.000.000 đồng do Nguyễn Văn A đưa tiền hùn cho M. Tổng cộng 250.000.000 đồng, Nguyễn Đức M đã tiêu xài cá nhân hết và chưa nộp lại số tiền này.
- Đỗ Quốc B mang theo 3.700.000 đồng, Bảo hùn với M, A và L để làm cái nhưng chưa đưa cho M số tiền 84.000.000 đồng. Bảo đặt cược nhiều ván do Châu làm cái, mỗi ván từ 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng, thắng được 5.800.000 đồng, số tiền bị thu giữ 9.500.000 đồng. Đỗ Quốc B chưa nộp lại số tiền 84.000.000 đồng.
- Nguyễn Văn A mang theo 80.000.000 đồng, An hùn với M, B và L để làm cái, An có đưa tiền hùn cho M 10.000.000 đồng, chưa đưa cho M số tiền 74.000.000 đồng. An đặt cược khi Châu làm cái, mỗi ván đặt từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, thua 66.800.000 đồng, số tiền bị thu giữ 3.200.000 đồng. Nguyễn Văn An chưa nộp lại số tiền 74.000.000 đồng.
- Trần Thị C mang theo 15.500.000 đồng, tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván từ 500.000 đồng đến 1000.000 đồng, kết quả thắng được 1.500.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, do bận việc gia đình nên về trước. Trần Thị C chưa nộp lại số tiền 17.000.000 đồng.
- Nguyễn Văn A mang theo 14.000.000 đồng, tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván từ 500.000 đồng đến 3.000.000 đồng, kết quả thắng được 5.000.000 đồng, số tiền bị tạm giữ là 19.000.000 đồng.
- Mai Thanh N1 mang theo 1.200.000 đồng, ngoài việc cảnh giới sòng bạc cho Mai Thanh S và Mai Thanh N, Ngân còn tham gia đặt cược 04 ván, mỗi ván từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng, thắng được 200.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ thì nghỉ. Ngày 10/02/2023 Mai Thanh N1 ra đầu thú, chưa nộp lại số tiền 1.400.000 đồng.

- Lê Văn P mang theo 3.000.000 đồng, tham gia đặt cược nhiều ván mỗi ván từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng, thua hết 3.000.000 đồng. Khi thua hết 3.000.000 đồng, P kêu Nguyễn Thị H là người đi cùng đến sòng bạc đưa thêm 3.000.000 đồng, khi lấy 3.000.000 đồng của Hiện và đặt cược thì P thắng được số tiền là 5.000.000 đồng, số tiền bị tạm giữ là 8.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Hiện mang theo số tiền 3.000.000 đồng đến sòng bạc, đưa cho Lê Văn P 3.000.000 đồng để tham gia đánh bạc.

- Nguyễn Thị Bé Ngọc mang theo 2.000.000 đồng, tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng, thắng được 22.500.000 đồng, số tiền bị thu giữ là 24.500.000 đồng.

- Đặng Thị N mang theo 1.000.000 đồng, tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, không thắng thua, số tiền bị thu giữ là 1.000.000 đồng.

- Trần Thị Thu Thủy mang theo 1.000.000 đồng, tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, thua hết 1.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Phiệt mang theo 1.000.000 đồng, tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, thua hết 1.000.000 đồng.

Tổng số tiền dùng vào mục đích đánh bạc là 510.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được 129.500.000 đồng.

Mai Thanh N khai nhận khi Công an bắt quả tang, Nhớ bỏ chạy và đã rút mất số tiền xấu đã thu được là 16.600.000 đồng, Mai Thanh N chưa nộp lại số tiền này.

Các bị cáo Minh Độ, Nguyễn Minh Đ1 và Nguyễn Minh T khai nhận tổ chức đánh bạc từ cuối năm 2022 nhưng không xác định được số người, số tiền dùng để đánh bạc hằng ngày.

* Thu giữ vật chứng:

- Tiền Việt Nam: 129.500.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- 09 (Chín) hột xí ngầu (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) bộ chén đĩa (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) tấm khăn bằng nilon có sọc xanh – trắng – đen (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) xe mô tô loại Vision, màu đen, biển số 70H1-294.21 (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) xe mô tô loại Dream, màu đen, biển số 70P1-8786 (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) Căn cước Công dân mang tên Lê Văn P (Bản gốc).

- 01 (Một) ĐTDĐ Iphone 14 Pro max, màu tím, số Imiel 1: 355597824978148 (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) Căn cước Công dân mang tên Nguyễn Thị H (Bản gốc).

- 01 (Một) ĐTDĐ Iphone XS Max, màu trắng, số Imiel 1: 353093103996268 (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) giấy CNĐK xe mô tô biển số 70K1-343.96 (Bản gốc).

- 01 (Một) ĐTDĐ Iphone 6 Plus, màu trắng, số Imiel 1: 353326070302015 (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) ĐTDĐ Nokia 105, màu đen, số Imiel 1: 353112113735456 (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) ĐTDĐ nhãn hiệu Vivo, loại Y55, màu đen (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) ĐTDĐ OPPO, A9 2020, màu xanh (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) ĐTDĐ OPPO A3s, màu tím (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) giấy CNĐK xe mô tô biển số 70F1-625.05(Bản gốc).

- 01 (Một) Căn cước Công dân mang tên Nguyễn Thị Phiệt.

- 01 (Một) ĐTDĐ Iphone 11 Pro max, màu trắng (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) ĐTDĐ Redmi A1, màu trắng (đã qua sử dụng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 91/2023/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Căn cứ điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Mai Thanh S** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Mai Thanh N** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 01-10-2023.

3. Căn cứ điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Mai Thanh N1** 01 (một) năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Mai Thanh N1** 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 01-10-2023.

4. Căn cứ điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh Đ** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

5. Căn cứ điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh Đ1** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

6. Căn cứ điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91; Điều 98; Điều 101; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo

Nguyễn Minh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

7. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng C 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

8. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức M 02** (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 01-10-2023.

9. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Đỗ Quốc B 02** (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-02-2023 đến ngày 17-4-2023.

10. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc L 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 01-10-2023.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L chấp hành án phạt 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo tại Bản án số: 62/2020/HSST ngày 22-9-2020, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-8-2019 đến ngày 20-11-2019.

Áp dụng Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L phải chấp hành 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 01-10-2023, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-8-2019 đến ngày 20-11-2019.

11. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Trần Thị C 01** (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 24-5-2023.

12. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Â 01** (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-02-2023 đến ngày 17-4-2023.

13. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lê Văn P 09** (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-02-2023 đến ngày 17-4-2023.

14. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Đặng Thị N** đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-02-2023 đến ngày 11-3-2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt của các bị cáo khác; biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Trong các ngày từ 08 đến 13 tháng 11 năm 2023, các bị cáo Mai Thanh N, Mai Thanh N1, Nguyễn Đức M, Nguyễn Ngọc L, Trần Thị C, Đỗ Quốc B, Lê Văn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù; các bị cáo Mai Thanh S, Nguyễn Minh Đ1, Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn Â, Nguyễn Hồng C, Đặng Thị N kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Thanh S, Mai Thanh N, Mai Thanh N1, Nguyễn Đức M, Nguyễn Ngọc L, Trần Thị C, Đỗ Quốc B, Lê Văn P, Nguyễn Minh Đ1, Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn Â, Nguyễn Hồng C, Đặng Thị N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo không tham gia tranh luận

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Các bị cáo đều trình bày: Các bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội. Mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; để các bị cáo được sớm trở về với gia đình, làm người có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Mai Thanh S, Mai Thanh N, Mai Thanh N1, Nguyễn Đức M, Nguyễn Ngọc L, Trần Thị C, Đỗ Quốc B, Lê Văn P, Nguyễn Minh Đ1, Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn Â, Nguyễn Hồng C, Đặng Thị N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Qua xem xét thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với các biên bản lấy lời khai của các bị cáo

tại cơ quan điều tra và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định:

Ngày 01-02-2023, tại vườn cao su thuộc Ấp AT, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Mai Thanh S và Mai Thanh N đã tổ chức đánh bạc dưới hình thức lặc tài xỉu được thua bằng tiền. Sa và Nhớ rủ rê lôi kéo, chuẩn bị mạnh để lót đánh bạc, nước uống, địa điểm lặc tài xỉu cho những người tham gia đặt cược. S và N thuê Mai Thanh N1, Nguyễn Bá H, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Minh Đ1 và Nguyễn Minh T làm nhiệm vụ cảnh giới, đưa rước người đánh bạc và trả tiền công cho mỗi người, mỗi ngày từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng. S và N quy định khi những người làm cái thắng bảo thì phải trả tiền xâu cho S và N 50% số tiền thắng cược.

Từ khoảng 14 giờ ngày 01-02-2023, các bị cáo Nguyễn Thành Thuốc, Nguyễn Hồng C và nhóm Nguyễn Đức M, Nguyễn Văn A, Đỗ Quốc B, Nguyễn Ngọc L lần lượt làm cái lặc tài xỉu thắng thua bằng tiền cho những người tham gia đánh bạc gồm: Mai Thanh N1, Trần Thị C, Nguyễn Văn A, Lê Văn P, Nguyễn Thị H, Trần Thị Thu T, Đặng Thị N, Nguyễn Thị P và Nguyễn Thị Bé N. Đến 20 giờ 00 phút ngày 01-02-2023 thì bị bắt quả tang, số tiền dùng vào mục đích đánh bạc được xác định là 510.000.000 đồng.

[3] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Mai Thanh S, Mai Thanh N, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh Đ1 về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, c, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Xét xử bị cáo Mai Thanh N1 về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, c, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự và tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Xét xử các bị cáo Nguyễn Hồng C, Nguyễn Đức M, Đỗ Quốc B, Nguyễn Ngọc L, Trần Thị C, Nguyễn Văn A, Lê Văn P, Đặng Thị Nhung, về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan, sai.

[4] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an ninh công cộng ở địa phương; đồng thời gây ảnh hưởng xấu tình hình chấp hành pháp luật của người dân; gây nhiều hệ lụy liên quan đến cuộc sống gia đình; là một trong những nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và tệ nạn xã hội. Do đó, hành vi của các bị cáo cần phải được nghiêm trị, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Mai Thanh S, Mai Thanh N, Mai Thanh N1, Nguyễn Đức M, Nguyễn Ngọc L, Trần Thị C, Đỗ Quốc B, Lê Văn P, Nguyễn Minh Đ1, Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn A, Nguyễn Hồng C, Đặng Thị N.

[5.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Mai Thanh N, Mai Thanh N1, Nguyễn Đức M, Nguyễn Ngọc L, Trần Thị C, Đỗ Quốc B, Lê Văn P; thấy rằng:

Các bị cáo Mai Thanh N, Mai Thanh N1, bị truy tố và xét xử tại điểm a, c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự về tội “Tổ chức đánh bạc”, có mức hình

phạt từ 01 đến 05 năm tù và các bị cáo Nguyễn Đức M, Nguyễn Ngọc L, Trần Thị C, Đỗ Quốc B, Lê Văn P **bị truy tố và xét xử tại** điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự về tội “Đánh bạc”, có mức hình phạt từ 03 đến 07 năm tù. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện nội dung vụ án, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo, để phân hóa hình phạt và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; đã xử phạt bị cáo Mai Thanh N 02 năm tù; xử phạt bị cáo Mai Thanh N1 01 năm 06 tháng tù (cho cả hai tội); xử phạt bị cáo Nguyễn Đức M 02 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 01 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Trần Thị C 01 năm tù; xử phạt bị cáo Đỗ Quốc B 02 năm tù; xử phạt bị cáo Lê Văn P 09 tháng tù là phù hợp, không nặng.

Tại phiên tòa, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được căn cứ giảm nhẹ nào khác. Do đó, kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[5.2] Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Mai Thanh S, Nguyễn Minh Đ1, Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn Â, Nguyễn Hồng C, Đặng Thị N; Hội đồng xét xử xét thấy:

Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, mức độ phạm tội có quy mô lớn; số tiền các bị cáo dùng việc việc thực hiện tội phạm rất lớn (hơn 500.000.000 đồng); gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử lý nghiêm hành vi phạm tội, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo; đồng thời góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm; phục vụ tình hình chính trị tại địa phương là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, mức hình phạt tù giam mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là phù hợp; nên không có căn cứ cho các bị cáo được hưởng án treo.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Thanh S, Mai Thanh N, Mai Thanh N1, Nguyễn Đức M, Nguyễn Ngọc L, Trần Thị C, Đỗ Quốc B, Lê Văn P, Nguyễn Minh Đ1, Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn Á, Nguyễn Hồng C, Đặng Thị N

- Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 91/2023/HSST ngày 30-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

1. Tuyên bố các bị cáo Mai Thanh S, Mai Thanh N, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh Đ1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Mai Thanh N1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”; Nguyễn Hồng C, Nguyễn Đức M, Đỗ Quốc B, Nguyễn Ngọc L, Trần Thị C, Nguyễn Văn Á, Lê Văn P, Đặng Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

1.1 Căn cứ điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Mai Thanh S** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.2. Căn cứ điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Mai Thanh N** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 01-10-2023.

1.3 Căn cứ điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh Đ** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.4 Căn cứ điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh Đ1** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.5 Căn cứ điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91; Điều 98; Điều 101; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.6 Căn cứ điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Mai Thanh N1** 01 (một) năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Mai Thanh N1** 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 01-10-2023.

1.7 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức M** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 01-10-2023.

1.8. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Đỗ Quốc B** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-02-2023 đến ngày 17-4-2023.

1.9 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng C** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.10 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc L** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 01-10-2023.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L chấp hành án phạt 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo tại Bản án số: 62/2020/HSST ngày 22-9-2020, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-8-2019 đến ngày 20-11-2019.

Áp dụng Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L phải chấp hành 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 01-10-2023, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-8-2019 đến ngày 20-11-2019.

1.11 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Trần Thị C** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 24-5-2023.

1.12 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Â** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-02-2023 đến ngày 17-4-2023.

1.13 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lê Văn P** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-02-2023 đến ngày 17-4-2023.

1.14 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Đặng Thị N** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-02-2023 đến ngày 11-3-2023.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Mai Thanh S, Mai Thanh N, Mai Thanh N1, Nguyễn Đức M, Nguyễn Ngọc L, Trần Thị C, Đỗ Quốc B, Lê Văn P, Nguyễn Minh Đ1, Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn Á, Nguyễn Hồng C, Đặng Thị N; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND. huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS. huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Phòng PV 06 CATTN;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Kim Sang